

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Nguyên;

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Xóm CS, xã NH, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Xóm HS, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Xóm BT, thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, Nghệ An.

Là bố, mẹ đẻ của bị đơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/12/2019 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 23/10/2000 tại UBND xã NN, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần nên thường xuyên đánh đập, chửi bới nguyên đơn. Những lúc anh T lên cơn là đánh đuổi, vứt hết đồ đạc và đóng kín cửa không cho vào nhà nên nguyên đơn chủ yếu sống nhờ nhà người khác. Vì quá lo sợ cho sức khỏe, tính mạng nên từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Thế L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010. Vợ chồng ly hôn con chung Nguyễn Thị M đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên con ở với ai là tùy con. Đối với con chung Nguyễn Thế L nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Nguyễn Văn T đang bị bệnh tâm thần. Về tài sản chung và các khoản nợ: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất năng lực hành vi dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các Thông báo cho bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai và tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 và ngày 14/5/2020 ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B trình bày: Năm 2000 anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh T chị M chung sống tại xóm HS, thị trấn NĐ. Anh Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần nên có đánh đập, chửi bới vợ con, thường xuyên đi lang thang. Khoảng năm 2012 đến nay, anh T và chị M không chung sống với nhau. Ông Q đề nghị việc ly hôn do anh T chị M quyết định; bà B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn vì anh T bị bệnh tâm thần và vợ chồng ly thân đã lâu. Anh T và chị M có hai con chung là Nguyễn Thị M và Nguyễn Thế L. Từ năm 2012 đến nay anh T và chị M không chung sống với nhau thì con chung sống cùng ông Q bà B. Chị M có gửi một ít tiền cho cháu M học tập còn anh T thì không chu cấp gì. Việc nuôi các cháu là tự nguyện nên ông Q bà B không yêu cầu anh T chị

M phải thanh toán chi phí nuôi các cháu từ năm 2012 đến nay. Hiện tại ông Q bà B đã già yếu, anh T bị bệnh tâm thần nên chị M phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế L đến khi cháu trưởng thành. Anh T bị bệnh tâm thần nhưng vẫn tự lo sinh hoạt, phục vụ bản thân nên ông Q bà B không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020 cháu Nguyễn Thế L trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được sống cùng ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B.

Tòa án tiến hành xác minh tại Trạm y tế xã VD và xóm trưởng xóm HS, thị trấn ND, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thì được cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần nhưng không điều trị, hàng tháng nhận thuốc tại Trạm y tế. Tình trạng bệnh ổn định, không kiểm soát được hành vi, thường đi lang thang cả ngày và những lúc lên cơn thì đập phá đồ đạc trong nhà. Từ năm 2011 đến nay chị M và anh T không sống với nhau, các con chung do ông Q bà B nuôi dưỡng tại xóm BT, thị trấn ND, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tố tụng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng không có mặt để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thế L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng

thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị M không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Thị M đã thành niên có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ cư trú tại xóm HS, thị trấn ND, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Qua xác minh tại UBND thị trấn ND, Trạm y tế xã VD cũng như lời khai của nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn anh Nguyễn Văn T là người bị bệnh tâm thần. Tòa án đã hướng dẫn, giải thích cho những người liên quan gồm vợ (chị Nguyễn Thị M); bố mẹ đẻ (ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B) về quyền yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Văn T mất năng lực hành vi dân sự nhưng những người này không yêu cầu. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung đồng thời đưa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 10 năm 2000 tại UBND xã NN, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần nên thường đánh đập, chửi bới, vứt đồ đạc, không cho chị M ở trong nhà làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị M. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy chị M là nạn nhân của bạo lực gia đình do anh Nguyễn Văn T bị bệnh tâm thần và vợ chồng không chung sống với nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Thế L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010. Vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thế L đến khi con trưởng thành. Con chung Nguyễn Thị M đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên con ở với ai là tùy con. Hội đồng xét xử nhận định: Con chung Nguyễn Thị M đã thành niên có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Hiện tại anh Nguyễn Văn T đang bị bệnh tâm thần, không đủ điều kiện về mọi mặt để chăm sóc con chung Nguyễn Thế L. Thời gian chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không chung sống với nhau thì cháu Nguyễn Thế L sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn Q bà Nguyễn Thị B và hiện tại cháu có nguyện vọng được sống với ông bà nội. Tuy nhiên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ. Mặt khác, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B cũng đề nghị chị M phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thế L cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh Nguyễn Văn T đang bị bệnh tâm thần, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T không chung sống với nhau thì hai con chung do ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B không yêu cầu chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T thanh toán chi phí nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thế L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị M không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Thị M đã thành niên có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số AA/2018/0002399, ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lài